

# THÔNG SỐ KỸ THUẬT

## ĐỘNG CƠ

|                               |                                       |
|-------------------------------|---------------------------------------|
| Công suất danh định           | 1800 W                                |
| Công suất tối đa              | 3000 W                                |
| Loại động cơ                  | BLDC Inhub                            |
| Loại Pin                      | LFP                                   |
| Công suất/Dung lượng          | 1.5 kWh (tùy chọn thêm 1 pin 1.5 kWh) |
| Trọng lượng Pin/Ắc quy        | 12 kg +/-1                            |
| Loại sạc                      | 400 W                                 |
| Thời gian sạc tiêu chuẩn      | Khoảng 4h30 phút từ 0-100%            |
| Đổi pin                       | Có                                    |
| Vị trí lắp pin                | trong cốp xe                          |
| Tiêu chuẩn chống nước động cơ | IP67                                  |

## HỆ THỐNG KHUNG/GIẢM XÓC/ PHANH

|                    |                                                     |
|--------------------|-----------------------------------------------------|
| Giảm xóc trước     | Ống lồng<br>Giảm chấn thủy lực;                     |
| Giảm xóc sau       | Giảm xóc đôi, giảm chấn thủy lực<br>có bình dầu phụ |
| Phanh trước và sau | Phanh đĩa/ cơ                                       |

## KÍCH THƯỚC CƠ BẢN

|                                 |                                   |
|---------------------------------|-----------------------------------|
| Khoảng cách trục bánh Trước-Sau | 1320 mm                           |
| Thể tích cốp                    | 10 L ( khi lắp 2 PIN)             |
| Dài x Rộng x Cao (mm)           | 1907 x 692 x 1135                 |
| Khoảng sáng gầm                 | 138 mm                            |
| Chiều cao yên                   | 780 mm                            |
| Kích thước lốp Trước - Sau      | 90/90-14   110/80-14              |
| Tải trọng                       | 130 kg                            |
| Trọng lượng Xe và Pin           | 98Kg (110Kg khi lắp thêm pin phụ) |

## HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG

|                      |               |
|----------------------|---------------|
| Đèn pha trước        | LED Projector |
| Đèn xi nhan, Đèn hậu | LED           |

## HIỆU NĂNG

|                                                         |                                                |
|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| Tốc độ tối đa (1 người 65kg)                            | 70 km/h                                        |
| Quãng đường đi được 1 lần sạc<br>(Điều kiện tiêu chuẩn) | Khoảng 82km<br>( + 74 km khi lắp thêm pin phụ) |
| Sạc nhanh/Đổi pin                                       | Có                                             |
| Gia tốc tăng tốc 0-50km/h (1 người 65kg).               | 15s                                            |
| Khả năng leo dốc, 20% 2 người 65Kg                      | 10km/h                                         |
| Khóa xe                                                 | Khóa smart key                                 |
| Tính năng khác                                          | Xác thực pin, cổng sạc USB                     |

## TÍNH NĂNG THÔNG MINH

|                                   |       |
|-----------------------------------|-------|
| Tìm xe trong bãi xe bằng Remote   | Có    |
| Hiển thị thông tin, trạng thái xe | Có    |
| Điều khiển bật tắt chống trộm     | Có    |
| Tìm xe từ xa (qua APP)            | Có    |
| Hiển thị thông tin Pin qua App    | Có    |
| Định vị xe                        | Có    |
| Thống kê lịch sử hành trình       | Có    |
| Thống kê quãng đường              | Có    |
| Thiết lập vùng an toàn            | Có    |
| Sạc pin với trạm sạc Vinfast      | Có    |
| Chuẩn đoán lỗi                    | Có    |
| Mở khóa bằng tay 1 chạm           | Không |
| Smartkey (Keyless)                | Có    |

